| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 5 – 2022
*"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Lê Chí Tâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Võ Thị Điệp**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: N T T D, sinh năm 1975;

Bị đơn: L L K, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp BH , xã BT, huyện CL, tỉnh ĐT.

*(Bà D có đơn xin vắng mặt; ông K đã tuyên bố mất tích)*

## NỘI D VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2021, nguyên đơn bà N T T D trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông K tổ chức đám cưới, chung sống với nhau năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05/7/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 05 năm thì không còn hạnh phúc nữa. Năm 2000, bà D sinh đứa con thứ 02 thì ông K có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài và bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, vợ con; bà D phải một mình gánh vác chăm lo gia đình, con cái, kinh tế. Đến năm 2018, ông K bỏ đi khỏi địa phương đến nay.

Bà D đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông K mất tích và được Tòa án giải quyết bằng quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 19/2021/QĐST-VDS, ngày 30/9/2021, về việc yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông L L K. Nay bà D yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh Khang, sinh năm 1997 và Lê Hoàng Sơn, sinh năm 2000. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông L L K đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 19/2021/QĐST-VDS, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Hiện nay ông K cũng không có mặt ở địa phương.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

2. Giấy khai sinh Lê Minh Khang (Bản sao);

3. Giấy khai sinh Lê Hoàng Sơn (Bản sao);

4. Giấy chứng minh nhân dân N T T D (Bản photo);

5. Sổ hộ khẩu tên L L K (Bản photo);

6. Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 19/2021/QĐST-VDS, ngày 30/9/2021 V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (Bản photo).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà N T T D có đơn yêu cầu được ly hôn với ông L L K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân, gia đình - Ly hôn".

Ông L L K là người bị kiện có nơi cư trú cuối cùng là ấp Bình Hưng, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông K tổ chức lễ cưới, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05/7/2013 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 05 năm thì không còn hạnh phúc nữa. Năm 2000, khi bà D sinh đứa con thứ hai thì ông K có quan hệ

với người khác bên ngoài nên đã bỏ nhà đi và không chăm lo gia đình và chia sẻ kinh tế với bà D. Đến năm 2018, ông K bỏ địa phương đi đến nay không về. Do đó, bà D đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông K mất tích và được Tòa án giải quyết bằng quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 19/2021/QĐST-VDS, ngày 30/9/2021, về việc yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông L L K. Nay chị D nhận thấy không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu được ly hôn với ông K.

Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để xác định tình cảm hôn nhân giữa bà D và ông K đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh Khang, sinh năm 1997 và Lê Hoàng Sơn, sinh năm 2000. Hiện các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Bà N T T D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo Biên lai số 0007241 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.***

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N T T D.

1. Về hôn nhân: Bà N T T D được ly hôn với ông L L K.

2. Về con chung: 02 con chung tên Lê Minh Khang, sinh năm 1997 và Lê Hoàng Sơn, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà N T T D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007241 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND nơi cấp GCN.KH
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa**

**Lê Chí Tâm**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**Võ Thị Điệp - Phạm Phước Tâm**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Tâm**